

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thanh Hà

Bà Lương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Không Văn N, sinh năm 1981. Nơi đăng ký thường trú: Xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang sinh sống tại: Phố T, khu T, thành phố Tân Bắc, Đài Loan; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đình Thị T, sinh năm 1986. Cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản tự khai anh Không Văn N trình bày: Anh và chị Đình Thị T chung sống vợ chồng cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 02-11-2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung. Từ năm 2017 anh đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đình Thị T. Khi ly hôn,

anh nhất trí để 02 con chung là cháu Không Khánh L, sinh ngày 22-02-2012 và cháu Không Quân B, sinh ngày 29-01-2017 cho chị Đinh Thị T nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Không Khánh L 1.800.000đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Không Quân B thì anh không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống anh và chị Đinh Thị T không có tài sản chung, không có nợ ai. Do tính chất công việc nên anh xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án ly hôn.

Tại bản tự khai cũng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Không Văn N chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Do công việc không ổn định nên năm 2014 anh Không Văn N sang Trung Quốc làm ăn. Trong một năm ở Trung Quốc, anh Không Văn N đã có tình cảm với người phụ nữ khác và không về Việt Nam lần nào, cũng không gửi tiền để chị nuôi con. Năm 2015 anh Không Văn N quay về Việt Nam nhưng không về sinh sống tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn cùng mẹ con chị mà về Phú Thọ sống cùng gia đình bên nội, không quan tâm đến mẹ con chị. Năm 2016, anh Không Văn N đã tiến hành thủ tục ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Khi đó, chị không nhất trí ly hôn nên đã kháng cáo Bản án sơ thẩm. Do chị đang mang thai cháu thứ 2 nên tại Bản án phúc thẩm số: 06/2016/HNGĐ-PT ngày 23-8-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã hủy Bản án sơ thẩm. Sau đó, khoảng tháng 3-2017 chị được biết anh Không Văn N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong khoảng thời gian ở Đài Loan từ đó cho đến nay, thỉnh thoảng anh Không Văn N có gọi điện về cho hai con, cứ ba năm lại về nước một lần. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng không được cải thiện vì tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, chị cũng đồng ý ly hôn với anh Không Văn N. Khi ly hôn chị sẽ nuôi dưỡng cả hai con chung, chị yêu cầu hàng tháng anh Không Văn N phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu 1.5000.000đồng kể từ ngày 01-02-2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trong quá trình chung sống chị và anh Không Văn N không có tài sản chung, không có nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xác định vợ chồng anh Không Văn N và chị Đinh Thị T có mâu thuẫn trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không còn sự quan tâm đến nhau. Như vậy, yêu cầu của anh Không Văn N xin được ly hôn với chị Đinh Thị T là có căn cứ. Về con chung: Khi ly hôn hai bên nhất trí để chị Đinh Thị T được quyền nuôi

dưỡng cả hai con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của các bên, để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, xác định anh Khổng Văn N phải cấp dưỡng nuôi cả hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng theo luật định. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất nhưng đã được triệu tập hợp lệ, tuy nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Khổng Văn N và chị Đinh Thị T chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn ngày 02-11-2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Khổng Văn N và chị Đinh Thị T là hợp pháp. Sau khi về chung sống một thời gian, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chính vì vậy, năm 2016 anh Khổng Văn N đã gửi đơn ra Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, khi đó do chị Đinh Thị T đang có thai nên tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 06/2016/HNGĐ-PT ngày 23-8-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Từ năm 2017 anh Khổng Văn N đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan cho đến nay, hai người sống ly thân nhau, không còn tình cảm vợ chồng với nhau, không quan tâm đến nhau. Anh Khổng Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị T. Yêu cầu của anh Khổng Văn N đưa ra cũng được chị Đinh Thị T chấp nhận. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa anh Khổng Văn N và chị Đinh Thị T là không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xử cho anh Khổng Văn N được ly hôn với chị Đinh Thị T.

[3] Về con chung: Anh Khổng Văn N và chị Đinh Thị T có 02 con chung là cháu Khổng Khánh L, sinh ngày 22-02-2012 và cháu Khổng Quân B, sinh ngày 29-01-2017. Khi ly hôn anh Khổng Văn N cũng nhất trí để hai con chung cho chị Đinh Thị T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Đinh Thị T cũng nhất trí với ý kiến này. Xét thấy, anh Khổng Văn N hiện đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan; hai con chung còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; hiện các cháu đang ở cùng với chị Đinh Thị T; bản thân chị Đinh Thị T có chỗ ở ổn định, có việc làm, có thu nhập. Cháu Khổng Khánh L cũng có nguyện vọng được ở với chị Đinh Thị T khi bố mẹ ly hôn. Nên xác định chị Đinh Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị T yêu cầu anh Khổng Văn N mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.500.000đồng/01 cháu, kể từ ngày 01-02-2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; còn anh Khổng Văn N chỉ cấp dưỡng nuôi cháu Khổng Khánh L với mức cấp dưỡng 1.800.000đồng/tháng. Đối với vấn đề

này, thấy rằng: Theo quy định của pháp luật khi ly hôn cả anh Khổng Văn N và chị Đinh Thị T vẫn phải có trách nhiệm đối với con cái. Bản thân chị Đinh Thị T cùng hai con đang sinh sống tại căn nhà cấp 4 trên mảnh đất của ông bà ngoại chia cho. Mặc dù hiện nay chị Đinh Thị T đang là công nhân xưởng gỗ tư nhân, nhưng mức thu nhập trung bình hàng tháng chỉ khoảng 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng. Anh Khổng Văn N đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nhiều năm và hiện nay anh vẫn đang lao động tại Đài Loan. Anh Khổng Văn N cho rằng tình hình lao động ở nước ngoài khó khăn, mức chi phí sinh hoạt cao, có thể thời gian tới anh sẽ không lao động tại nước ngoài nữa mà về Việt Nam, bản thân anh còn phải nuôi dưỡng bố mẹ già. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày anh Khổng Văn N không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Theo quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha mẹ phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay mức lương cơ sở Nhà nước quy định là 1.800.000đồng/tháng. Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của hai bên đương sự. Xét thấy, mức cấp dưỡng 1.500.000đồng/01 cháu/01 tháng mà chị Đinh Thị T đưa ra là phù hợp. Do đó, có đủ căn cứ pháp lý xác định anh Khổng Văn N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai con chung. Mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 1.500.000đồng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01-02-2024 đến khi cháu Khổng Khánh L, cháu Khổng Quân B đủ 18 tuổi. Anh Khổng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh Khổng Văn N và chị Đinh Thị T đều khẳng định không có tài sản chung, không có nợ ai nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Khổng Văn N phải chịu 600.000đồng án phí sơ thẩm gồm 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh Khổng Văn N còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Không Văn N được ly hôn với chị Đinh Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 2009 ngày 02-11-2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ).

2. Về con chung: Chị Đinh Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Không Khánh L, sinh ngày 22-02-2012 và cháu Không Quân B, sinh ngày 29-01-2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Không Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Không Khánh L và cháu Không Quân B. Mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 1.500.000đồng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01-02-2024 cho đến khi cháu Không Khánh L, cháu Không Quân B đủ 18 tuổi.

Anh Không Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Không Văn N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 23-11-2023, anh Không Văn N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006051 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, anh Không Văn N còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, h. L, Phú Thọ;
- Các đương sự;
-;
- Lưu: HS vụ án, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa